

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN ĐĐTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 12/09/2020

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		HST	7:25	16	0		0	0	
2		AMD+TGTH4+TTC2	9:25	18+4+0	0+0+0		0+0+13	0+0+0	

TTĐĐSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 12/09/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:30
FLIGHT:	TO: HST	CREW: Hồi - NPhú - NNam	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN TRUONG THO	HST	57-58	2	10		63	TLJOC	Vietnamese
2	THAN CANH THINH	HST	98-99,800	3	18		74	TLJOC	Vietnamese
3	NGUYEN LE HONG VU	HST	87-88	2	10		58	TLJOC	Vietnamese
4	TRAN THANH QUANG	HST	72	1	10		76	TLJOC	Vietnamese
5	LUU ANH HUNG	HST	05,71	2	9		78	TLJOC	Vietnamese
6	NGUYEN ANH TUAN	HST	04,95	2	13		72	TLJOC	Vietnamese
7	NGUYEN THE TRUYEN	HST	81-82	2	13		78	TLJOC	Vietnamese
8	NGUYEN NGHIEM VU	HST	85-86	2	15		83	TLJOC	Vietnamese
9	DAO NGOC QUYEN	HST	76	1	10		75	TLJOC	Vietnamese
10	LE VAN VIET	HST	83-84	2	12		70	TLJOC	Vietnamese
11	CHU VAN LAI	HST	78-79	2	8	42	72	TLJOC	Vietnamese
12	PHAN QUOC VIET	HST	73	1	8		66	TLJOC	Vietnamese
13	NGUYEN PHU NGOC	HST	67-68	2	8		58	TLJOC	Vietnamese
14	TO TINH	HST	77	1	8		78	TLJOC	Vietnamese
15	LUONG ANH VU	HST	75	1	10	85	67	CODIEN	Vietnamese
16	NGUYEN CONG PHU	HST	80	1	12		78	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	HST	16	27	174	1.146	127	0		
TOTAL		16	27	174	1.146	127	0		
WEIGHT KG				174	1.146	127			

GRAND TOAL: 1.447 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 12/09/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:40
FLIGHT: 2	TO: AMD - TGTH4 - TTC2	CREW: Hôi - NPhú - NNam	ETA: 11:20
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ TRẦN VIÊN	AMD	06-07	2	14		71	BAB - KL	Vietnamese
2	TRẦN QUANG PHÚ	AMD	08-09	2	8		63	VR	Vietnamese
3	NGUYỄN HỒNG SƠN	AMD	94-95	2	13		62	ABS	Vietnamese
4	PHẠM VŨ VIỆT DƯƠNG	AMD	03-04	2	10		82	HLJOC	Vietnamese
5	PHẠM TUẤN HÀ	AMD	01-02	2	10		70	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐOÀN TÂN TRÍ	AMD	86	1	8		68	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN MẠNH CÁN	AMD	90-91	2	10		66	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN DÂN	AMD	85	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN ĐỨC TRUNG	AMD	82-83	2	14		58	KH-THAC	Vietnamese
10	LÊ MINH THUẬN	AMD	96-98	3	20		70	KH-THAC	Vietnamese
11	CHU ĐỨC CHÍ	AMD	400	1	5	22	68	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN ĐỨC QUÂN	AMD	05	1	7		69	KH-THAC	Vietnamese
13	LÊ TRI TRUNG	AMD	87	1	4		74	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN NHẠ	AMD	99	1	8		64	KH-THAC	Vietnamese
15	LÊ XUÂN TUÂN	AMD	88-89	2	15		58	KH-THAC	Vietnamese
16	TRẦN VĂN KHÁNH	TGTH4	15	1	7		58	KH-THAC	Vietnamese
17	LÊ THANH DANH	TGTH4	12	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN HỮU LUẬT	TGTH4	18	1	6		68	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN KHẮC TOÀN	TGTH4	16-17	2	8		70	KH-THAC	Vietnamese
20	TRẦN ANH QUANG	TGTH4	10	1	15		78	KH-THAC	Vietnamese
21	LÊ HUY MẠNH	TGTH4	19	1	12		80	KH-THAC	Vietnamese
22	VŨ HỮU CHÍNH	TGTH4	11	1	12		61	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	15	25	151	1.007	22	0		
2	TGTH4	7	8	65	483	0	0		
3	TTC2	0	0	0	0	0	13		
TOTAL		22	33	216	1.490	22	13		
WEIGHT KG				216	1.490	22			

GRAND TOAL: 1.728 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN ĐBTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 13/09/2020

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		P4+MRM+TD5+RP3	7:25	12+5+3+0	0+0+0+0		1+8+0+13	0+0+0+0	

TTĐĐSX



FLIGHT MANIFEST

DATE: 13/09/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	TO: P4 - MRM - TD5 - RP3	CREW: Hạnh - MMinh - Huy	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN THÀNH CÔNG	P4	72	1	11		73	CODIEN	Vietnamese
2	MAI XUÂN TUƠNG	P4	71	1	11		63	CODIEN	Vietnamese
3	TRẦN VĂN TOÀN	P4	62-63	2	9		78	XAYLAP	Vietnamese
4	PHẠM VĂN LONG	P4	64-65	2	17		62	XAYLAP	Vietnamese
5	BUI TRỌNG HỘI	P4	61	1	10	20	65	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYỄN QUANG HAI	P4	67	1	10	99	62	XAYLAP	Vietnamese
7	LÊ HUY CHƯƠNG	P4	68-69	2	20		70	XAYLAP	Vietnamese
8	TRẦN VIỆT CUÔNG	P4	59-60	2	18		65	XAYLAP	Vietnamese
9	BUI NGỌC NAM	P4	68	1	10		69	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYỄN THANH NAM	P4	70	1	6		66	CO DIEN	Vietnamese
11	NGUYỄN VIỆT HÙNG	P4	57	1	5		75	PSV	Vietnamese
12	LÊ ĐỨC CUÔNG 67	P4	58	1	6		58	PSV	Vietnamese
13	TRAN HUA TUAN	MRM	01-02	2	20		63	KHOAN	Vietnamese
14	BUI MANH PHUC	MRM	04	1	7		70	KHOAN	Vietnamese
15	KHAERDINOV VITALY TALGATOVICH	MRM	03	1	7		74	KHOAN	Russian
16	EREMEEV EVGENY NIKOLAEVICH	MRM	800	1	15		95	KHOAN	Russian
17	KADATOV MIKHAIL	MRM	01-02	2	17		74	KHOAN	Russian
18	TELESHENKO IVAN	TD5	50	1	15	20	115	KHOAN	Russian
19	TRẦN VĂN THỤ	TD5	54-55	2	20		52	DVL	Vietnamese
20	LE VAN THANG	TD5	53	1	15		70	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	12	16	133	806	119	1		
2	MRM	5	7	66	376	0	8		
3	TD5	3	4	50	237	20	0		
4	RP3	0	0	0	0	2	13		
TOTAL		20	27	249	1.419	141	22		
WEIGHT KG				249	1.419	141			

GRAND TOAL: 1.809 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 14/09/2020

STT	NOMBA Y	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		P4+BK3+P2	7:25	17+5+0	0+0+0		0+0+20	0+0+0	

TTĐĐSX

- 1 py



FLIGHT MANIFEST

DATE: 14/09/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:32
FLIGHT: 1	TO: P4 - BK3 - P2	CREW: Vận - NPhú - Năm	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	SHEREMENTIEV	P4	97	1	10		78	D-HANH	Russian
2	KRAPIVKA	P4	12	1	4		86	KH-THAC	Russian
3	PHAN VAN HUYEN	P4	99,400	2	12		84	XAY LAP	Vietnamese
4	ĐẶNG ĐÌNH TUẤN	P4	06	1	12		70	CODIEN	Vietnamese
5	HOÀNG MINH NGỌC	P4	07	1	10		65	CODIEN	Vietnamese
6	NGUYỄN QUỐC QUÂN	P4	03-04	2	15	38	76	CODIEN	Vietnamese
7	VŨ MẠNH ĐIệp	P4	01	1	10		71	CODIEN	Vietnamese
8	PHẠM XUÂN HAI	P4	98	1	12		71	CODIEN	Vietnamese
9	ĐẶNG VĂN GIANG	P4	02	1	7		70	CODIEN	Vietnamese
10	NGUYỄN ĐỨC MINH	P4	90	1	10	93	62	CODIEN	Vietnamese
11	ZHURBIN N.B	P4	96	1	10		95	KHI	Russian
12	NGUYỄN HỮU LUẬN	P4	08	1	5		70	KHI	Vietnamese
13	PHẠM HỮU THỌ	P4	05	1	8		64	KHI	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN SANG	P4	92-93	2	14		65	KHI	Vietnamese
15	TRẦN KHOA TRƯỞNG	P4	94-95	2	17		74	NIPI	Vietnamese
16	HOÀNG ĐỨC TUẤN	BK3	88	1	10		64	XAYLAP	Vietnamese
17	HOÀNG THANH SƠN	BK3	89	1	14		70	XAYLAP	Vietnamese
18	VƯƠNG MAI	BK3	86-87	2	17	28	50	XAYLAP	Vietnamese
19	NGÔ ĐÌNH NHẬT MINH	BK3	84-85	2	14		80	XAYLAP	Vietnamese
20	LÊ ANH CƯỜNG	BK3	90-91	2	14		72	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	15	19	156	1.101	131	0		
2	BK3	5	8	69	336	28	0		
3	P2	0	0	0	0	0	22		
TOTAL		20	27	225	1.437	159	22		
WEIGHT KG				225	1.437	159			

GRAND TOAL: 1.821 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN